

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY**

---

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**  
**COURSE SPECIFICATION**

**I. Thông tin tổng quát - General information**

1. Tên môn học tiếng Việt/ Course title in Vietnamese: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ 2 (TA) - Mã môn học/Course code: ACCO5306
2. Tên môn học tiếng Anh/ Course title in English: INTERNATIONAL FINANCIAL ACCOUNTING 2
3. Phương thức giảng dạy/Mode of delivery:  
☐ Trực tiếp/FTF      ☐ Trực tuyến/Online      ☒ Kết hợp/Blended
4. Ngôn ngữ giảng dạy/Language(s) for instruction:  
☐ Tiếng Việt/Vietnamese      ☒ Tiếng Anh/English      ☐ Cả hai/Both
5. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng/ Knowledge/Skills:  
☐ Giáo dục đại cương/General      ☐ Kiến thức chuyên ngành/Major  
☐ Kiến thức cơ sở/Foundation      ☐ Kiến thức bổ trợ/Additional  
☒ Kiến thức ngành/Discipline      ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp/Graduation thesis

6. Số tín chỉ/Credits

| Tổng số/Total | Lý thuyết/Theory | Thực hành/Practice | Số giờ tự học/Self-study |
|---------------|------------------|--------------------|--------------------------|
| 03            | 02               | 01                 | 75                       |

7. Phụ trách môn học-Administration of the course

- a) Khoa/Ban/Bộ môn/Faculty/Division: Khoa Kế toán-Kiểm toán/ Bộ môn Kế toán quốc tế
- b) Giảng viên/Academics: Phạm Minh Vương
- c) Địa chỉ email liên hệ/Email: [vuong.pm@ou.edu.vn](mailto:vuong.pm@ou.edu.vn)
- d) Phòng làm việc/Room: Phòng 105, 35-37 Hồ Hảo Hớn, P. Cô Giang, Quận 1, TPHCM

**II. Thông tin về môn học-Course overview**

1. Mô tả môn học/Course description:

Môn học nhằm cung cấp kiến thức về các nguyên tắc và khái niệm liên quan đến kế toán tài hình và các kỹ thuật thành thạo trong việc sử dụng bút toán kép bao gồm việc lập các báo cáo tài chính và báo cáo hợp nhất ở mức độ cơ bản. Ngoài ra, môn học còn cung cấp các kiến thức cơ bản về phân tích các chỉ số tài chính để đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

2. Môn học điều kiện/Requirements:.

| STT/No. | Môn học điều kiện/ Requirements | Mã môn học/Code |
|---------|---------------------------------|-----------------|
| 1.      | Môn tiên quyết/Pre-requisites   |                 |

| STT/No. | Môn học điều kiện/ Requirements  | Mã môn học/Code |
|---------|----------------------------------|-----------------|
|         | Không yêu cầu môn học tiên quyết |                 |
| 2.      | Môn học trước/Preceding courses  |                 |
|         | Kế toán tài chính quốc tế 1      | ACCO1345        |
| 3.      | Môn học song hành/Co-courses     |                 |
|         | Không yêu cầu môn học song hành  |                 |

### 3. Mục tiêu môn học/Course objectives

| Mục tiêu môn học/<br>Course objectives | Mô tả - Description                                                                       | PLOs                       |
|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| CO                                     | Xử lý kế toán trong các tình huống dữ liệu không hoàn chỉnh.                              | PLO3.1<br>PLO6.1           |
| CO                                     | Lập báo cáo tài chính ở mức độ cơ bản cho công ty tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn. | PLO3.1<br>PLO3.3<br>PLO6.1 |
| CO3                                    | Lập báo cáo hợp nhất ở mức độ cơ bản.                                                     | PLO3.1<br>PLO3.3<br>PLO6.1 |
| CO4                                    | Phân tích báo cáo tài chính thông qua các tỷ số tài chính cơ bản.                         | PLO5.3<br>PLO5.8<br>PLO6.1 |
| CO5                                    | Có năng lực làm việc độc lập                                                              | PLO7.2                     |

### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) môn học – Course learning outcomes (CLOs)

Học xong môn học này, sinh viên có khả năng

| Mục tiêu môn học/<br>Course objectives | CĐR môn học<br>(CLO) | Mô tả CĐR -Description                                                                                                                           |
|----------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| CO1                                    | CLO1                 | Áp dụng phương trình kế toán, tài khoản sổ cái/tỷ lệ phần trăm lợi nhuận, nguyên tắc tài khoản sổ cái trong tình huống dữ liệu không hoàn chỉnh. |
| CO2                                    | CLO2                 | Lập báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo tình hình tài chính, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho doanh nghiệp.                                     |
| CO3                                    | CLO3                 | Lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và báo cáo lãi lỗ hợp nhất ở mức độ cơ bản.                                                             |
| CO4                                    | CLO4                 | Tính toán và phân tích các chỉ số tài chính.                                                                                                     |
| CO5                                    | CLO5                 | Hoàn thành công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian.                                                                                       |

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| CLOs | PLO3.3 | PLO5.3 | PLO5.7 | PLO5.8 | PLO6.1 | PLO7.2 |
|------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| CLO1 |        |        | 3      |        | 4      |        |
| CLO2 | 3      |        | 4      |        | 4      |        |
| CLO3 | 3      |        | 3      |        | 4      |        |
| CLO4 |        | 3      |        | 4      | 4      |        |

| CLOs | PLO3.3 | PLO5.3 | PLO5.7 | PLO5.8 | PLO6.1 | PLO7.2 |
|------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| CLO5 |        |        |        |        |        | 4      |

1: Không Đáp ứng

2: Ít đáp ứng

3: Đáp ứng trung bình

4: Đáp ứng nhiều

5: Đáp ứng rất nhiều

## 5. Học liệu – Textbooks and materials

### a) Giáo trình-Textbooks

[1] BBP Learning Media. ACCA Approved Interactive Text FIA FFA/ACCA Paper F3 Financial Accounting: for exams from 1 September 2018 to 31 August 2019. London: BPP Learning Media Ltd, 2018. [657/F7713].

[2] BBP Learning Media. ACCA Approved Practice & Revision Kit FIA FFA/ACCA Paper F3 Financial Accounting: for exams from 1 September 2018 to 31 August 2019. London: BPP Learning Media Ltd, 2018. [657/F7713].

### b) Tài liệu tham khảo)/Other materials

[3] Schroeder , R.G, Clark, M.W, and Cathey, J.M. Financial accounting theory and analysis : text and cases. Hoboken: John Wiley & Sons, 2017. [657/S3814]

[4] Hoyle , J.B, Schaefer , T.F., and Douppnik , T.S. Advanced accounting. New York: McGraw-Hill Education, 2017. [657.046 / H8685]

## 6. Đánh giá môn học/Student assessment

| Thành phần đánh giá/ Type of assessment               | Bài đánh giá / Assessment methods | Thời điểm/ Assesment time            | CĐR môn học/ CLOs | Tỷ lệ % Weight % |
|-------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|-------------------|------------------|
| (1)                                                   | (2)                               | (3)                                  | (4)               |                  |
| <b>A1. Đánh giá quá trình/Formative assessment</b>    | A.1.1 Bài trắc nghiệm             | Sau chương 2, chương 6, và chương 10 | CLO1☐ CLO5        | 15%              |
|                                                       | A.1.2 Bài tập thực hành           | Sau chương 2, chương 6 và chương 9   | CLO2, CLO3, CLO5  | 10%              |
|                                                       | <b>Tổng cộng</b>                  |                                      |                   | <b>25%</b>       |
| <b>A2. Đánh giá giữa kỳ/ Mid-term assessment</b>      | A.2.1 Bài trắc nghiệm             | Sau chương 6                         | CLO1☐CLO3         | 25%              |
|                                                       | <b>Tổng cộng</b>                  |                                      |                   | <b>25%</b>       |
| <b>A3. Đánh giá cuối kỳ /End-of-course assessment</b> | A.3.1 Bài trắc nghiệm             | Sau khi kết thúc môn học             | CLO1☐ CLO4        | 37,5%            |
|                                                       | A.3.2 Bài tập thực hành           | Sau khi kết thúc môn học             | CLO2☐ CLO4        | 12,5%            |
|                                                       | <b>Tổng cộng</b>                  |                                      |                   | <b>50%</b>       |
| <b>Tổng cộng/Total</b>                                |                                   |                                      |                   | <b>100%</b>      |

7. Kế hoạch giảng dạy/ Teaching schedule: (Tỷ lệ trực tuyến: 30%)

a. Lớp ban ngày (4,5 tiết/ buổi)

| Tuần/<br>buổi<br>học<br>Week<br>Secti<br>on | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                           | CDR<br>môn<br>học<br>CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning                          |                       |                                             |                           |                       |                           |                                     |                    |                                       |                        | Bài đánh<br>giá<br>Student<br>assessme<br>nt | Tài liệu<br>chính và<br>tài liệu<br>tham<br>khảo<br>Textboo<br>ks and<br>materials |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------------------|--------------------|---------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|                                             |                                                                                                                                                                                                                               |                           | Tự học/ Self-study                                                  |                       | Trực tiếp/FTF                               |                           |                       |                           | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) |                    |                                       |                        |                                              |                                                                                    |
|                                             |                                                                                                                                                                                                                               |                           |                                                                     |                       | Lý thuyết/ Theory                           |                           | Thực hành/ Practice   |                           | Lý thuyết/ Theory                   |                    | Thực hành/ Practice                   |                        |                                              |                                                                                    |
|                                             |                                                                                                                                                                                                                               |                           | Hoạt động<br>Activity                                               | Số<br>giờ<br>Ho<br>ur | Hoạt động<br>Activity                       | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity               | Số tiết<br>Periods | Hoạt động<br>Activity                 | Số tiết<br>Period<br>s |                                              |                                                                                    |
| (1)                                         | (2)                                                                                                                                                                                                                           | (3)                       | (4)                                                                 |                       | (5)                                         |                           | (6)                   |                           | (7)                                 |                    | (8)                                   |                        | (9)                                          | (10)                                                                               |
| 1                                           | <b>Chương 1. Dữ liệu chưa đầy đủ</b><br>1.1. Phương trình kế toán<br>1.2 Xác định giá vốn hàng bán và số dư hàng tồn kho<br>1.3 Sổ cái tiền gửi ngân hàng<br>1.4 Các khoản trả trước/nhận trước và các khoản trả sau/nhận sau | CLO 1                     | Đọc trước Chương 17 tài liệu [1] & [2]                              | 8                     | Giới thiệu môn học & Học lý thuyết Chương 1 | 3,5                       | Trắc nghiệm [BTTN01]  | 1                         |                                     |                    |                                       |                        |                                              | [1]<br>Chương 17<br>[2]<br>Chương 17                                               |
| 2                                           | <b>Chương 2: Lập báo cáo tài chính cho công ty tư nhân</b><br>2.1 Chuẩn bị các số dư tài khoản                                                                                                                                | CLO 2<br>CLO 5            | Đọc trước Chương 18 tài liệu [1] & [2] và Chương 6 & 7 tài liệu [3] | 8                     | Học lý thuyết Chương 2                      | 2                         | Trắc nghiệm [BTTN02]  | 2,5                       | Xem video [VD01]                    | 3                  | Thực hành [TH01] & Trắc nghiệm [TN01] | 3                      | A.1.1<br>A.1.2                               | [1]<br>Chương 18<br>[2]<br>Chương 18<br>[3]                                        |

| Tuần/<br>buổi<br>học<br>Week<br>Secti<br>on | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | CDR<br>môn<br>học<br>CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning                                                     |                       |                                                |                           |                            |                           |                                     |                    |                       |                        | Bài đánh<br>giá<br>Student<br>assessme<br>nt | Tài liệu<br>chính và<br>tài liệu<br>tham<br>khảo<br>Textboo<br>ks and<br>materials |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------|---------------------------|-------------------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                           | Tự học/ Self-study                                                                             |                       | Trực tiếp/FTF                                  |                           |                            |                           | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) |                    |                       |                        |                                              |                                                                                    |
|                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                           |                                                                                                |                       | Lý thuyết/ Theory                              |                           | Thực hành/ Practice        |                           | Lý thuyết/ Theory                   |                    | Thực hành/ Practice   |                        |                                              |                                                                                    |
|                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                           | Hoạt động<br>Activity                                                                          | Số<br>giờ<br>Ho<br>ur | Hoạt động<br>Activity                          | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity      | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity               | Số tiết<br>Periods | Hoạt động<br>Activity | Số tiết<br>Period<br>s |                                              |                                                                                    |
|                                             | 2.2 Ví dụ minh<br>họa về báo cáo lãi<br>lỗ<br>2.3 Ví dụ minh<br>họa về báo cáo<br>tình hình tài chính                                                                                                                                                                                                                                                                         |                           |                                                                                                |                       |                                                |                           |                            |                           |                                     |                    |                       |                        |                                              | Chương<br>6,7                                                                      |
| 3                                           | <b>Chương 3: Giới<br/>thiệu về hệ thống<br/>tài khoản tại<br/>công ty tư nhân</b><br>3.1 Kế toán tại<br>công ty tư nhân<br>3.2 Các tài khoản<br>vốn chủ sở hữu<br>3.3 Phát hành cổ<br>phiếu thưởng và<br>phát hành cổ<br>phiếu mới<br><b>Chương 4: Lập<br/>báo cáo tài chính<br/>cho công ty<br/>trách nhiệm hữu<br/>hạn</b><br>4.1 IAS 1 – Trình<br>bày báo cáo tài<br>chính | CLO<br>2                  | Đọc trước<br>Chương 19<br>tài liệu [1] &<br>[2] và<br>Chương 6 và<br>Chương 7 tài<br>liệu [3]. | 8                     | Học lý<br>thuyết<br>Chương 3<br>và Chương<br>4 | 2                         | Trắc<br>nghiệm<br>[BTTN03] | 2,5                       |                                     |                    |                       |                        |                                              | [1]<br>Chương<br>19, 20<br>[2]<br>Chương<br>19, 20<br>[3]<br>Chương<br>6,7         |

| Tuần/<br>buổi<br>học<br>Week<br>Secti<br>on | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                       | CĐR<br>môn<br>học<br>CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning |                       |                        |                           |                       |                           |                                     |                    |                       |                        | Bài đánh<br>giá<br>Student<br>assessme<br>nt | Tài liệu<br>chính và<br>tài liệu<br>tham<br>khảo<br>Textboo<br>ks and<br>materials |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|                                             |                                                                                                                                                                                                                                           |                           | Tự học/ Self-study                         |                       | Trực tiếp/FTF          |                           |                       |                           | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) |                    |                       |                        |                                              |                                                                                    |
|                                             |                                                                                                                                                                                                                                           |                           |                                            |                       | Lý thuyết/ Theory      |                           | Thực hành/ Practice   |                           | Lý thuyết/ Theory                   |                    | Thực hành/ Practice   |                        |                                              |                                                                                    |
|                                             |                                                                                                                                                                                                                                           |                           | Hoạt động<br>Activity                      | Số<br>giờ<br>Ho<br>ur | Hoạt động<br>Activity  | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity               | Số tiết<br>Periods | Hoạt động<br>Activity | Số tiết<br>Period<br>s |                                              |                                                                                    |
|                                             | 4.2 Báo cáo lãi lỗ và thu nhập toàn diện khác<br>4.3 Báo cáo tình hình tài chính<br>4.4 Báo cáo sự thay đổi của vốn chủ<br>4.5 Thuyết minh báo cáo tài chính                                                                              |                           |                                            |                       |                        |                           |                       |                           |                                     |                    |                       |                        |                                              |                                                                                    |
| 4                                           | <b>Chương 5: Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ</b><br>5.1 IAS 10 – Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ<br>5.2 Phân biệt sự kiện yêu cầu điều chỉnh và sự kiện không yêu cầu điều chỉnh<br>5.3 Thuyết minh sự kiện sau ngày kết thúc niên độ | CLO 2                     | Đọc trước Chương 21 tài liệu [1] & [2].    | 8                     | Học lý thuyết Chương 5 | 2                         | Trắc nghiệm [BTTN04]  | 2,5                       |                                     |                    |                       |                        |                                              | [1]<br>Chương 21<br>[2]<br>Chương 21                                               |

| Tuần/<br>buổi<br>học<br>Week<br>Section | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                         | CĐR<br>môn<br>học<br>CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning |                       |                        |                           |                       |                           |                                     |                    |                                       |                    | Bài đánh<br>giá<br>Student<br>assessment | Tài liệu<br>chính và<br>tài liệu<br>tham<br>khảo<br>Textboos<br>and<br>materials |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------------------|--------------------|---------------------------------------|--------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|                                         |                                                                                                                                                                                             |                           | Tự học/ Self-study                         |                       | Trực tiếp/FTF          |                           |                       |                           | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) |                    |                                       |                    |                                          |                                                                                  |
|                                         |                                                                                                                                                                                             |                           |                                            |                       | Lý thuyết/ Theory      |                           | Thực hành/ Practice   |                           | Lý thuyết/ Theory                   |                    | Thực hành/ Practice                   |                    |                                          |                                                                                  |
|                                         |                                                                                                                                                                                             |                           | Hoạt động<br>Activity                      | Số<br>giờ<br>Ho<br>ur | Hoạt động<br>Activity  | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity               | Số tiết<br>Periods | Hoạt động<br>Activity                 | Số tiết<br>Periods |                                          |                                                                                  |
| 5                                       | <b>Chương 6: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b><br>6.1 IAS7 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>6.2 Ví dụ minh họa về báo cáo lưu chuyển tiền tệ                                                    | CLO 2<br>CLO 5            | Đọc trước Chương 22 tài liệu [1] & [2].    | 8                     | Học lý thuyết Chương 6 | 2                         | Trắc nghiệm [BTTN05]  | 2,5                       | Xem video [VD02]                    | 3                  | Thực hành [TH02] & Trắc nghiệm [TN02] | 3                  | A.1.1<br>A.1.2                           | [1]<br>Chương 22<br>[2]<br>Chương 22                                             |
| 6                                       | Kiểm tra giữa kỳ                                                                                                                                                                            |                           |                                            |                       | Kiểm tra giữa kỳ       | 1,5                       |                       |                           |                                     |                    |                                       |                    | A.2.1                                    |                                                                                  |
| 7                                       | <b>Chương 7: Tổng quan về báo cáo tài chính hợp nhất</b><br>7.1 Công ty con<br>7.2 Công ty liên kết và các khoản đầu tư tại các công ty khác<br>7.3 Nội dung của báo cáo tài chính hợp nhất | CLO 3                     | Đọc trước Chương 23 tài liệu [1] & [2].    | 8                     | Học lý thuyết Chương 7 | 2                         | Trắc nghiệm [BTTN06]  | 2,5                       |                                     |                    |                                       |                    |                                          | [1]<br>Chương 23<br>[2]<br>Chương 23                                             |

| Tuần/<br>buổi<br>học<br>Week<br>Secti<br>on | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                             | CDR<br>môn<br>học<br>CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning                                 |                       |                        |                           |                       |                           |                                     |                    |                       |                        | Bài đánh<br>giá<br>Student<br>assessme<br>nt | Tài liệu<br>chính và<br>tài liệu<br>tham<br>khảo<br>Textboo<br>ks and<br>materials |
|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|                                             |                                                                                                                                                                                                                                 |                           | Tự học/ Self-study                                                         |                       | Trực tiếp/FTF          |                           |                       |                           | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) |                    |                       |                        |                                              |                                                                                    |
|                                             |                                                                                                                                                                                                                                 |                           |                                                                            |                       | Lý thuyết/ Theory      |                           | Thực hành/ Practice   |                           | Lý thuyết/ Theory                   |                    | Thực hành/ Practice   |                        |                                              |                                                                                    |
|                                             |                                                                                                                                                                                                                                 |                           | Hoạt động<br>Activity                                                      | Số<br>giờ<br>Ho<br>ur | Hoạt động<br>Activity  | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity               | Số tiết<br>Periods | Hoạt động<br>Activity | Số tiết<br>Period<br>s |                                              |                                                                                    |
| 8                                           | <b>Chương 8: Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất</b><br>8.1 Tóm tắt quy trình lập báo cáo hợp nhất<br>8.2 Lợi thế thương mại<br>8.3 Lợi ích cổ đông không kiểm soát<br>8.4 Giao dịch nội bộ<br>8.5 Hợp nhất giữa năm tài chính | CLO 3                     | Đọc trước Chương 24 tài liệu [1] & [2], Chương 1 và chương 4 tài liệu [4]. | 8                     | Học lý thuyết Chương 8 | 2                         | Trắc nghiệm [BTTN07]  | 2,5                       |                                     |                    |                       |                        |                                              | [1]<br>Chương 24<br>[2]<br>Chương 24<br>[4]<br>Chương 1,4                          |
| 9                                           | <b>Chương 9: Báo cáo lãi lỗ hợp nhất</b><br>9.1 Tổng quan về báo cáo lãi lỗ hợp nhất<br>9.2 Giao dịch nội bộ<br>9.3 Hợp nhất giữa năm tài chính                                                                                 | CLO 3<br>CLO 5            | Đọc trước Chương 25 tài liệu [1] & [2].                                    | 8                     | Học lý thuyết Chương 9 | 2                         | Trắc nghiệm [BTTN08]  | 2,5                       | Xem video [VD03]                    | 3                  | Thực hành [TH03]      | 1,5                    | A.1.2                                        | [1]<br>Chương 25<br>[2]<br>Chương 25                                               |



| Tuần/<br>buổi<br>học<br>Week<br>Secti<br>on | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                      | CĐR<br>môn<br>học<br>CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning       |                       |                                                  |                           |                            |                           |                                     |                    |                       |                        | Bài đánh<br>giá<br>Student<br>assessme<br>nt | Tài liệu<br>chính và<br>tài liệu<br>tham<br>khảo<br>Textboo<br>ks and<br>materials |
|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------|---------------------------|-------------------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                           | Tự học/ Self-study                               |                       | Trực tiếp/FTF                                    |                           |                            |                           | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) |                    |                       |                        |                                              |                                                                                    |
|                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                           |                                                  |                       | Lý thuyết/ Theory                                |                           | Thực hành/ Practice        |                           | Lý thuyết/ Theory                   |                    | Thực hành/ Practice   |                        |                                              |                                                                                    |
|                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                           | Hoạt động<br>Activity                            | Số<br>giờ<br>Ho<br>ur | Hoạt động<br>Activity                            | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity      | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity               | Số tiết<br>Periods | Hoạt động<br>Activity | Số tiết<br>Period<br>s |                                              |                                                                                    |
| 10                                          | <b>Chương 10:<br/>Phân tích báo<br/>cáo tài chính</b><br>10.1 Nhu cầu<br>thông tin của các<br>bên liên quan<br>10.2 Phân loại các<br>tỷ số tài chính<br>10.3 Tỷ số về lợi<br>nhuận<br>10.4 Tỷ số về<br>thanh khoản và<br>cấu trúc vốn<br>10.5 Phân tích tỷ<br>số<br>10.6 Giới hạn của<br>phân tích tỷ số | CLO<br>4<br>CLO<br>5      | Đọc trước<br>Chương 26<br>tài liệu [1] &<br>[2]. | 11                    | Học lý<br>thuyết<br>Chương 15<br>và Chương<br>16 | 2                         | Trắc<br>nghiệm<br>[BTTN09] | 2,5                       |                                     |                    | Trắc nghiệm<br>[TN03] | 1,5                    | A.1.1                                        | [1]<br>Chương<br>26<br>[2]<br>Chương<br>26                                         |
| <b>Tổng</b>                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                           |                                                  | <b>75</b>             |                                                  | <b>21</b>                 |                            | <b>21</b>                 |                                     | <b>9</b>           |                       | <b>9</b>               |                                              |                                                                                    |

*b. Lớp buổi tối (3 tiết/ buổi)*

| Tuần/<br>buổi<br>học<br>Week<br>Section | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                           | CĐR<br>môn<br>học<br>CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning                          |                       |                                             |                           |                       |                           |                                     |                           |                                       |                       | Bài<br>đánh<br>giá<br>Student<br>assessment | Tài liệu<br>chính và<br>tài liệu<br>tham<br>khảo<br>Textbo<br>oks and<br>material<br>s |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|                                         |                                                                                                                                                                                                                               |                           | Tự học/ Self-study                                                  |                       | Trực tiếp/FTF                               |                           |                       |                           | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) |                           |                                       |                       |                                             |                                                                                        |
|                                         |                                                                                                                                                                                                                               |                           |                                                                     |                       | Lý thuyết/ Theory                           |                           | Thực hành/ Practice   |                           | Lý thuyết/ Theory                   |                           | Thực hành/ Practice                   |                       |                                             |                                                                                        |
|                                         |                                                                                                                                                                                                                               |                           | Hoạt động<br>Activity                                               | Số<br>giờ<br>Ho<br>ur | Hoạt động<br>Activity                       | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity               | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity                 | Số<br>tiết<br>Periods |                                             |                                                                                        |
| (1)                                     | (2)                                                                                                                                                                                                                           | (3)                       | (4)                                                                 |                       | (5)                                         |                           | (6)                   |                           | (7)                                 |                           | (8)                                   |                       | (9)                                         | (10)                                                                                   |
| 1                                       | <b>Chương 1. Dữ liệu chưa đầy đủ</b><br>1.1. Phương trình kế toán<br>1.2 Xác định giá vốn hàng bán và số dư hàng tồn kho<br>1.3 Sổ cái tiền gửi ngân hàng<br>1.4 Các khoản trả trước/nhận trước và các khoản trả sau/nhận sau | CLO 1                     | Đọc trước Chương 17 tài liệu [1] & [2]                              | 6                     | Giới thiệu môn học & Học lý thuyết Chương 1 | 1                         | Trắc nghiệm [BTTN01]  | 2                         |                                     |                           |                                       |                       |                                             | [1] Chương 17<br>[2] Chương 17                                                         |
| 2                                       | <b>Chương 2: Lập báo cáo tài chính cho công ty tư nhân</b><br>2.1 Chuẩn bị các số dư tài khoản<br>2.2 Ví dụ minh họa về báo cáo lãi lỗ                                                                                        | CLO 2<br>CLO 5            | Đọc trước Chương 18 tài liệu [1] & [2] và Chương 6 & 7 tài liệu [3] | 6                     | Học lý thuyết Chương 2                      | 1                         | Trắc nghiệm [BTTN02]  | 2                         | Xem video [VD01]                    | 3                         | Thực hành [TH01] & Trắc nghiệm [TN01] | 3                     | A.1.1<br>A.1.2                              | [1] Chương 18<br>[2] Chương 18<br>[3] Chương 6,7                                       |

| Tuần/<br>buổi<br>học<br>Week<br>Section | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                     | CDR<br>môn<br>học<br>CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning                                   |                   |                        |                       |                       |                       |                                     |                       |                       |                       | Bài<br>đánh<br>giá<br>Student<br>assessment | Tài liệu<br>chính và<br>tài liệu<br>tham<br>khảo<br>Textbooks and<br>materials |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|                                         |                                                                                                                                                                                                         |                           | Tự học/ Self-study                                                           |                   | Trực tiếp/FTF          |                       |                       |                       | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) |                       |                       |                       |                                             |                                                                                |
|                                         |                                                                                                                                                                                                         |                           |                                                                              |                   | Lý thuyết/ Theory      |                       | Thực hành/ Practice   |                       | Lý thuyết/ Theory                   |                       | Thực hành/ Practice   |                       |                                             |                                                                                |
|                                         |                                                                                                                                                                                                         |                           | Hoạt động<br>Activity                                                        | Số<br>giờ<br>Hour | Hoạt động<br>Activity  | Số<br>tiết<br>Periods | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Periods | Hoạt động<br>Activity               | Số<br>tiết<br>Periods | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Periods |                                             |                                                                                |
|                                         | 2.3 Ví dụ minh họa về báo cáo tình hình tài chính                                                                                                                                                       |                           |                                                                              |                   |                        |                       |                       |                       |                                     |                       |                       |                       |                                             |                                                                                |
| 3                                       | <b>Chương 3: Giới thiệu về hệ thống tài khoản tại công ty tư nhân</b><br>3.1 Kế toán tại công ty tư nhân<br>3.2 Các tài khoản vốn chủ sở hữu<br>3.3 Phát hành cổ phiếu thưởng và phát hành cổ phiếu mới | CLO 2                     | Đọc trước Chương 19 tài liệu [1] & [2] và Chương 6 và Chương 7 tài liệu [3]. | 6                 | Học lý thuyết Chương 3 | 3                     |                       |                       |                                     |                       |                       |                       |                                             | [1]<br>Chương 19, 20<br>[2]<br>Chương 19, 20<br>[3]<br>Chương 6,7              |
| 4                                       | <b>Chương 4: Lập báo cáo tài chính cho công ty trách nhiệm hữu hạn</b><br>4.1 IAS 1 – Trình bày báo cáo tài chính<br>4.2 Báo cáo lãi lỗ và thu nhập toàn diện khác                                      | CLO 2                     | Đọc trước Chương 19 tài liệu [1] & [2] và Chương 6 và Chương 7 tài liệu [3]. | 6                 | Học lý thuyết Chương 4 | 1                     | Trắc nghiệm [BTTN03]  | 2                     |                                     |                       |                       |                       |                                             | [1]<br>Chương 19, 20<br>[2]<br>Chương 19, 20<br>[3]<br>Chương 6,7              |

| Tuần/<br>buổi<br>học<br>Week<br>Section | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                  | CĐR<br>môn<br>học<br>CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning |                       |                        |                           |                       |                           |                                     |                           |                       |                       | Bài<br>đánh<br>giá<br>Student<br>assessment | Tài liệu<br>chính và<br>tài liệu<br>tham<br>khảo<br>Textbo<br>oks and<br>material<br>s |
|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|                                         |                                                                                                                                                                                      |                           | Tự học/ Self-study                         |                       | Trực tiếp/FTF          |                           |                       |                           | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) |                           |                       |                       |                                             |                                                                                        |
|                                         |                                                                                                                                                                                      |                           |                                            |                       | Lý thuyết/ Theory      |                           | Thực hành/ Practice   |                           | Lý thuyết/ Theory                   |                           | Thực hành/ Practice   |                       |                                             |                                                                                        |
|                                         |                                                                                                                                                                                      |                           | Hoạt động<br>Activity                      | Số<br>giờ<br>Ho<br>ur | Hoạt động<br>Activity  | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity               | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Periods |                                             |                                                                                        |
|                                         | 4.3 Báo cáo tình hình tài chính<br>4.4 Báo cáo sự thay đổi của vốn chủ<br>4.5 Thuyết minh báo cáo tài chính                                                                          |                           |                                            |                       |                        |                           |                       |                           |                                     |                           |                       |                       |                                             |                                                                                        |
| 5                                       | <b>Chương 5: Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ</b><br>5.1 IAS 10 – Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ<br>5.2 Phân biệt sự kiện yêu cầu điều chỉnh và sự kiện không yêu cầu điều chỉnh | CLO 2                     | Đọc trước Chương 21 tài liệu [1] & [2].    | 6                     | Học lý thuyết Chương 5 | 3                         |                       |                           |                                     |                           |                       |                       |                                             | [1]<br>Chương 21<br>[2]<br>Chương 21                                                   |
| 6                                       | <b>Chương 5: Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ (Tiếp theo)</b><br>5.3 Thuyết minh sự kiện sau ngày kết thúc niên độ                                                                  | CLO 2                     | Đọc trước Chương 21 tài liệu [1] & [2].    | 6                     | Học lý thuyết Chương 5 | 1                         | Trắc nghiệm [BTTN04]  | 2                         |                                     |                           |                       |                       |                                             | [1]<br>Chương 21<br>[2]<br>Chương 21                                                   |

| Tuần/<br>buổi<br>học<br>Week<br>Section | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                         | CĐR<br>môn<br>học<br>CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning |                       |                        |                           |                            |                           |                                     |                           |                                       |                       | Bài<br>đánh<br>giá<br>Student<br>assessment | Tài liệu<br>chính và<br>tài liệu<br>tham<br>khảo<br>Textbo<br>oks and<br>material<br>s |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------|----------------------------|---------------------------|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|                                         |                                                                                                                                                                                             |                           | Tự học/ Self-study                         |                       | Trực tiếp/FTF          |                           |                            |                           | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) |                           |                                       |                       |                                             |                                                                                        |
|                                         |                                                                                                                                                                                             |                           |                                            |                       | Lý thuyết/ Theory      |                           | Thực hành/ Practice        |                           | Lý thuyết/ Theory                   |                           | Thực hành/ Practice                   |                       |                                             |                                                                                        |
|                                         |                                                                                                                                                                                             |                           | Hoạt động<br>Activity                      | Số<br>giờ<br>Ho<br>ur | Hoạt động<br>Activity  | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity      | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity               | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity                 | Số<br>tiết<br>Periods |                                             |                                                                                        |
| 7                                       | <b>Chương 6: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b><br>6.1 IAS7 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>6.2 Ví dụ minh họa về báo cáo lưu chuyển tiền tệ                                                    | CLO 2<br>CLO 5            | Đọc trước Chương 22 tài liệu [1] & [2].    | 6                     | Học lý thuyết Chương 6 | 1                         | Trắc nghiệm [BTTN05]       | 2                         | Xem video [VD02]                    | 3                         | Thực hành [TH02] & Trắc nghiệm [TN02] | 3                     | A.1.1<br>A.1.2                              | [1]<br>Chương 22<br>[2]<br>Chương 22                                                   |
| 8                                       | Ôn tập và kiểm tra giữa kỳ                                                                                                                                                                  |                           |                                            |                       |                        |                           | Ôn tập và Kiểm tra giữa kỳ | 3                         |                                     |                           |                                       |                       | A.2.1                                       |                                                                                        |
| 9                                       | <b>Chương 7: Tổng quan về báo cáo tài chính hợp nhất</b><br>7.1 Công ty con<br>7.2 Công ty liên kết và các khoản đầu tư tại các công ty khác<br>7.3 Nội dung của báo cáo tài chính hợp nhất | CLO 3                     | Đọc trước Chương 23 tài liệu [1] & [2].    | 6                     | Học lý thuyết Chương 7 | 1                         | Trắc nghiệm [BTTN06]       | 2                         |                                     |                           |                                       |                       |                                             | [1]<br>Chương 23<br>[2]<br>Chương 23                                                   |

| Tuần/<br>buổi<br>học<br>Week<br>Section | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                 | CĐR<br>môn<br>học<br>CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning                                 |                       |                        |                           |                       |                           |                                     |                           |                       |                       | Bài<br>đánh<br>giá<br>Student<br>assessment | Tài liệu<br>chính và<br>tài liệu<br>tham<br>khảo<br>Textbo<br>oks and<br>material<br>s |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|                                         |                                                                                                                                                                     |                           | Tự học/ Self-study                                                         |                       | Trực tiếp/FTF          |                           |                       |                           | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) |                           |                       |                       |                                             |                                                                                        |
|                                         |                                                                                                                                                                     |                           |                                                                            |                       | Lý thuyết/ Theory      |                           | Thực hành/ Practice   |                           | Lý thuyết/ Theory                   |                           | Thực hành/ Practice   |                       |                                             |                                                                                        |
|                                         |                                                                                                                                                                     |                           | Hoạt động<br>Activity                                                      | Số<br>giờ<br>Ho<br>ur | Hoạt động<br>Activity  | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity               | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Periods |                                             |                                                                                        |
| 10                                      | <b>Chương 8: Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất</b><br>8.1 Tóm tắt quy trình lập báo cáo hợp nhất<br>8.2 Lợi thế thương mại                                       | CLO 3                     | Đọc trước Chương 24 tài liệu [1] & [2], Chương 1 và chương 4 tài liệu [4]. | 6                     | Học lý thuyết Chương 8 | 3                         |                       |                           |                                     |                           |                       |                       |                                             | [1]<br>Chương 24<br>[2]<br>Chương 24<br>[4]<br>Chương 1,4                              |
| 11                                      | <b>Chương 8: Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (Tiếp theo)</b><br>8.3 Lợi ích cổ đông không kiểm soát<br>8.4 Giao dịch nội bộ<br>8.5 Hợp nhất giữa năm tài chính | CLO 3                     | Đọc trước Chương 24 tài liệu [1] & [2], Chương 1 và chương 4 tài liệu [4]. | 6                     | Học lý thuyết Chương 8 | 1                         | Trắc nghiệm [BTTN07]  | 2                         |                                     |                           |                       |                       |                                             | [1]<br>Chương 24<br>[2]<br>Chương 24<br>[4]<br>Chương 1,4                              |
| 12                                      | <b>Chương 9: Báo cáo lãi lỗ hợp nhất</b>                                                                                                                            | CLO 3                     | Đọc trước Chương 25 tài liệu [1] & [2].                                    | 6                     | Học lý thuyết Chương 9 | 3                         |                       |                           |                                     |                           |                       |                       |                                             | [1]<br>Chương 25<br>[2]                                                                |

| Tuần/<br>buổi<br>học<br>Week<br>Section | Nội dung<br>Content                                                                                                                                         | CĐR<br>môn<br>học<br>CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning |                       |                                      |                           |                       |                           |                                     |                           |                       |                       | Bài<br>đánh<br>giá<br>Student<br>assessment | Tài liệu<br>chính và<br>tài liệu<br>tham<br>khảo<br>Textbo<br>oks and<br>material<br>s |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|                                         |                                                                                                                                                             |                           | Tự học/ Self-study                         |                       | Trực tiếp/FTF                        |                           |                       |                           | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) |                           |                       |                       |                                             |                                                                                        |
|                                         |                                                                                                                                                             |                           |                                            |                       | Lý thuyết/ Theory                    |                           | Thực hành/ Practice   |                           | Lý thuyết/ Theory                   |                           | Thực hành/ Practice   |                       |                                             |                                                                                        |
|                                         |                                                                                                                                                             |                           | Hoạt động<br>Activity                      | Số<br>giờ<br>Ho<br>ur | Hoạt động<br>Activity                | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity               | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Periods |                                             |                                                                                        |
|                                         | 9.1 Tổng quan về báo cáo lãi lỗ hợp nhất<br>9.2 Giao dịch nội bộ<br>9.3 Hợp nhất giữa năm tài chính                                                         |                           |                                            |                       |                                      |                           |                       |                           |                                     |                           |                       |                       |                                             | Chương 25                                                                              |
| 13                                      | <b>Chương 9: Báo cáo lãi lỗ hợp nhất (Tiếp theo)</b><br>9.1 Tổng quan về báo cáo lãi lỗ hợp nhất<br>9.2 Giao dịch nội bộ<br>9.3 Hợp nhất giữa năm tài chính | CLO 3<br>CLO 5            | Đọc trước Chương 25 tài liệu [1] & [2].    | 3                     | Học lý thuyết Chương 9               | 1                         | Trắc nghiệm [BTTN08]  | 2                         | Xem video [VD03]                    | 3                         | Thực hành [TH03]      | 1,5                   | A.1.2                                       | [1]<br>Chương 25<br>[2]<br>Chương 25                                                   |
| 14                                      | <b>Chương 10: Phân tích báo cáo tài chính</b><br>10.1 Nhu cầu thông tin của các bên liên quan                                                               | CLO 4<br>CLO 5            | Đọc trước Chương 26 tài liệu [1] & [2].    | 6                     | Học lý thuyết Chương 15 và Chương 16 | 1                         | Trắc nghiệm [BTTN09]  | 2                         |                                     |                           | Trắc nghiệm [TN03]    | 1,5                   | A.1.1                                       | [1]<br>Chương 26<br>[2]<br>Chương 26                                                   |

| Tuần/<br>buổi<br>học<br>Week<br>Section | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                       | CDR<br>môn<br>học<br>CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning |                       |                       |                           |                       |                           |                                     |                           |                       |                       | Bài<br>đánh<br>giá<br>Student<br>assessment | Tài liệu<br>chính và<br>tài liệu<br>tham<br>khảo<br>Textboo<br>ks and<br>material<br>s |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|                                         |                                                                                                                                                                                           |                           | Tự học/ Self-study                         |                       | Trực tiếp/FTF         |                           |                       |                           | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) |                           |                       |                       |                                             |                                                                                        |
|                                         |                                                                                                                                                                                           |                           |                                            |                       | Lý thuyết/ Theory     |                           | Thực hành/ Practice   |                           | Lý thuyết/ Theory                   |                           | Thực hành/ Practice   |                       |                                             |                                                                                        |
|                                         |                                                                                                                                                                                           |                           | Hoạt động<br>Activity                      | Số<br>giờ<br>Ho<br>ur | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity               | Số<br>tiết<br>Perio<br>ds | Hoạt động<br>Activity | Số<br>tiết<br>Periods |                                             |                                                                                        |
|                                         | 10.2 Phân loại các<br>tỷ số tài chính<br>10.3 Tỷ số về lợi<br>nhuận<br>10.4 Tỷ số về<br>thanh khoản và cấu<br>trúc vốn<br>10.5 Phân tích tỷ<br>số<br>10.6 Giới hạn của<br>phân tích tỷ số |                           |                                            |                       |                       |                           |                       |                           |                                     |                           |                       |                       |                                             |                                                                                        |
| Tổng                                    |                                                                                                                                                                                           |                           |                                            | 75                    |                       | 21                        |                       | 21                        |                                     | 9                         |                       | 9                     |                                             |                                                                                        |



*Ghi chú:*

|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A.1.1-TN01 | Bài tập trắc nghiệm Chương 1 và Chương 2.                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| A.1.1-TN02 | Bài tập trắc nghiệm Chương 3, Chương 4, Chương 5, và Chương 6.                                                                                                                                                                                                                                                   |
| A.1.1-TN03 | Bài tập trắc nghiệm Chương 7, Chương 8, Chương 9, và Chương 10.                                                                                                                                                                                                                                                  |
| A.1.2-TH01 | Thực hành lập báo cáo tài chính cho loại hình công ty tư nhân.                                                                                                                                                                                                                                                   |
| A.1.2-TH02 | Thực hành lập báo cáo tài chính cho loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn.                                                                                                                                                                                                                                       |
| A.1.2-TH03 | Thực hành lập báo cáo tài chính hợp nhất nhất từ thông tin cho sẵn.                                                                                                                                                                                                                                              |
| BTTN01     | Bài tập trắc nghiệm Chương 1.                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| BTTN02     | Bài tập trắc nghiệm Chương 2.                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| BTTN03     | Bài tập trắc nghiệm Chương 3 và Chương 4.                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| BTTN04     | Bài tập trắc nghiệm Chương 5.                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| BTTN05     | Bài tập trắc nghiệm Chương 6.                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| BTTN06     | Bài tập trắc nghiệm Chương 7.                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| BTTN07     | Bài tập trắc nghiệm Chương 8.                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| BTTN08     | Bài tập trắc nghiệm Chương 9.                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| BTTN09     | Bài tập trắc nghiệm Chương 10.                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| VD01       | Xem video số 1 về nội dung “Giới thiệu về hệ thống tài khoản tại công ty tư nhân” và thực hiện câu hỏi bắt buộc (không lấy điểm đánh giá) sau khi xem video trên LMS. Trong trường hợp sinh viên không thực hiện câu hỏi bắt buộc, giảng viên trừ hai (2) điểm vào bài trắc nghiệm đánh giá TN01.                |
| VD02       | Xem video số 2 về nội dung “Quy trình lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp” và thực hiện câu hỏi bắt buộc (không lấy điểm đánh giá) sau khi xem video trên LMS. Trong trường hợp sinh viên không thực hiện câu hỏi bắt buộc, giảng viên trừ hai (2) điểm vào bài trắc nghiệm đánh giá TN02. |
| VD03       | Xem video số 2 về nội dung “Quy trình lập báo cáo tài chính hợp nhất” và thực hiện câu hỏi bắt buộc (không lấy điểm đánh giá) sau khi xem video trên LMS. Trong trường hợp sinh viên không thực hiện câu hỏi bắt buộc, giảng viên trừ hai (2) điểm vào bài trắc nghiệm đánh giá TN03.                            |

8. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và phương pháp giảng dạy- phương pháp đánh giá

| <b>Tuần/<br/>buổi<br/>học<br/>Week<br/>Section</b> | <b>Nội dung<br/>Content</b>                                                                                                                     | <b>CĐR môn học<br/>CLOs</b>                                                                                                                                                            | <b>Hình thức dạy học /Teaching<br/>and learning methods</b>                                                                                               | <b>Hình thức đánh giá<br/>Student assessment</b> |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>(1)</b>                                         | <b>(2)</b>                                                                                                                                      | <b>(3)</b>                                                                                                                                                                             | <b>(4)</b>                                                                                                                                                | <b>(5)</b>                                       |
| 1                                                  | <b>Chương 1. Dữ liệu chưa đầy đủ</b>                                                                                                            | CLO1: Áp dụng phương trình kế toán, tài khoản sổ cái/tỷ lệ phần trăm lợi nhuận, nguyên tắc tài khoản sổ cái trong tình huống dữ liệu không hoàn chỉnh.                                 | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học.<br>Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm.                                                       | Bài tập trắc nghiệm                              |
| 2                                                  | <b>Chương 2: Lập báo cáo tài chính cho công ty tư nhân</b>                                                                                      | CLO2: Lập báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo tình hình tài chính, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho doanh nghiệp.<br>CLO5: Hoàn thành công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học, cung cấp video bài giảng.<br>Sinh viên: Thực hiện bài tập thực hành, trắc nghiệm, xem video.                   | Bài tập thực hành, trắc nghiệm.                  |
| 3                                                  | <b>Chương 3: Giới thiệu về hệ thống tài khoản tại công ty tư nhân</b><br><b>Chương 4: Lập báo cáo tài chính cho công ty trách nhiệm hữu hạn</b> | CLO2: Lập báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo tình hình tài chính, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho doanh nghiệp.                                                                     | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học, hướng dẫn lập báo cáo tài chính<br>Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm, lập báo cáo tài chính | Bài tập trắc nghiệm, Lập báo cáo tài chính       |

| <b>Tuần/<br/>buổi<br/>học<br/>Week<br/>Section</b> | <b>Nội dung<br/>Content</b>                        | <b>CDR môn học<br/>CLOs</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>Hình thức dạy học /Teaching<br/>and learning methods</b>                                                                                                                                    | <b>Hình thức đánh giá<br/>Student assessment</b> |
|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>(1)</b>                                         | <b>(2)</b>                                         | <b>(3)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>(4)</b>                                                                                                                                                                                     | <b>(5)</b>                                       |
| 4                                                  | <b>Chương 5: Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ</b> | CLO2: Lập báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo tình hình tài chính, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho doanh nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                        | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học.<br>Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm.                                                                                            | Bài tập trắc nghiệm                              |
| 5                                                  | <b>Chương 6: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>        | CLO2: Lập báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo tình hình tài chính, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho doanh nghiệp.<br>CLO5: Hoàn thành công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian.                                                                                                                                                                                    | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học, cung cấp video bài giảng, hướng dẫn lập báo cáo tài chính<br>Sinh viên: Nghe giảng, xem video, thực hiện bài tập trắc nghiệm, lập báo cáo tài chính | Bài tập trắc nghiệm, Lập báo cáo tài chính       |
| 6                                                  | <b>Kiểm tra giữa kỳ</b>                            | CLO1: Áp dụng phương trình kế toán, tài khoản sổ cái/tỷ lệ phần trăm lợi nhuận, nguyên tắc tài khoản sổ cái trong tình huống dữ liệu không hoàn chỉnh.<br>CLO2: Lập báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo tình hình tài chính, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho doanh nghiệp<br>CLO3: Lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và báo cáo lãi lỗ hợp nhất ở mức độ cơ bản. | Bài kiểm tra tại lớp sau khi kết thúc chương 6                                                                                                                                                 | Bài kiểm tra giữa kỳ                             |

| <b>Tuần/<br/>buổi<br/>học<br/>Week<br/>Section</b> | <b>Nội dung<br/>Content</b>                              | <b>CDR môn học<br/>CLOs</b>                                                                                                                                    | <b>Hình thức dạy học /Teaching<br/>and learning methods</b>                                                                                                                                    | <b>Hình thức đánh giá<br/>Student assessment</b> |
|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>(1)</b>                                         | <b>(2)</b>                                               | <b>(3)</b>                                                                                                                                                     | <b>(4)</b>                                                                                                                                                                                     | <b>(5)</b>                                       |
| 7                                                  | <b>Chương 7: Tổng quan về báo cáo tài chính hợp nhất</b> | CLO3: Lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và báo cáo lãi lỗ hợp nhất ở mức độ cơ bản.                                                                     | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học.<br>Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm.                                                                                            | Bài tập trắc nghiệm                              |
| 8                                                  | <b>Chương 8: Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất</b>    | CLO3: Lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và báo cáo lãi lỗ hợp nhất ở mức độ cơ bản.                                                                     | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học, hướng dẫn lập báo cáo tài chính<br>Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm, lập báo cáo tài chính                                      | Bài tập trắc nghiệm, Lập báo cáo tài chính       |
| 9                                                  | <b>Chương 9: Báo cáo lãi lỗ hợp nhất</b>                 | CLO3: Lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và báo cáo lãi lỗ hợp nhất ở mức độ cơ bản.<br>CLO5: Hoàn thành công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học, cung cấp video bài giảng, hướng dẫn lập báo cáo tài chính<br>Sinh viên: Nghe giảng, xem video, thực hiện bài tập trắc nghiệm, lập báo cáo tài chính | Bài tập trắc nghiệm, Lập báo cáo tài chính       |
| 10                                                 | <b>Chương 10: Phân tích báo cáo tài chính</b>            | CLO4: Tính toán và phân tích các chỉ số tài chính.<br>CLO5: Hoàn thành công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian.                                         | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học, hướng dẫn lập báo cáo tài chính                                                                                                                     | Bài tập trắc nghiệm, Lập báo cáo tài chính       |

| <b>Tuần/<br/>buổi<br/>học<br/>Week<br/>Section</b> | <b>Nội dung<br/>Content</b> | <b>CĐR môn học<br/>CLOs</b> | <b>Hình thức dạy học /Teaching<br/>and learning methods</b>                 | <b>Hình thức đánh giá<br/>Student assessment</b> |
|----------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>(1)</b>                                         | <b>(2)</b>                  | <b>(3)</b>                  | <b>(4)</b>                                                                  | <b>(5)</b>                                       |
|                                                    |                             |                             | Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm, lập báo cáo tài chính |                                                  |

9. Quy định của môn học/Course policy
- Quy định về nộp bài tập, bài kiểm tra:
    - o Sinh viên phải hoàn thành bài tập, bài kiểm tra đúng hạn.
  - Quy định về cấm thi:
    - o Theo quy định của trường, cụ thể vắng mặt quá 20% thời gian lên lớp quy định đối với môn học sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
  - Nội quy lớp học:
    - o Sinh viên tích cực tham gia thảo luận và hoàn thành các hoạt động học tập được giao.
    - o Đọc trước văn bản, tài liệu được yêu cầu.
    - o Sinh viên không tham gia bất kỳ hoạt động nào trên LMS thì sẽ không không có điểm quá trình.

TRƯỞNG KHOA  
DEAN OF THE FACULTY

(Ký và ghi rõ họ tên-Signed with fullname)

Giảng viên biên soạn  
ACADEMIC

(Ký và ghi rõ họ tên- Signed with fullname)

TS HỒ Hữu Thụy

ThS Phạm Minh Vương

## Phục lục đề cương môn học

### Phân Đánh giá môn học

**Môn học: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ 2 (TA) - ACCO5306**

**a) Hình thức – Nội dung – Thời lượng của các bài đánh giá/Assessment format, content and time:**

| Bài đánh giá            | Hình thức                                                        | Nội dung                                                                                     | Thời lượng  | Công cụ đánh giá |
|-------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| A.1.1 Bài trắc nghiệm   | [TN01], [TN02], và [TN03] thực hiện bài tập trắc nghiệm trên LMS | Bài trắc nghiệm để sinh viên tự đánh giá kiến thức cuối mỗi chương từ chương 1 đến chương 10 | 30 phút/bài |                  |
| A.1.2 Bài tập thực hành | [TH-01] Thực hiện bài tập trên hệ thống LMS                      | Thực hành lập báo cáo tài chính cho loại hình công ty tư nhân.                               | 60 phút     | Rubric 1         |
|                         | [TH-02] Giải bài tập trên hệ thống LMS                           | Thực hành lập báo cáo tài chính cho loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn.                   | 60 phút     | Rubric 1         |
|                         | [TH-03] Giải bài tập trên hệ thống LMS                           | Thực hành lập báo cáo tài chính hợp nhất nhất từ thông tin cho sẵn.                          | 60 phút     | Rubric1          |
| A.2.1 Bài trắc nghiệm   | Thực hiện bài tập trắc nghiệm tại lớp học trực tiếp              | Bài đánh giá nội dung học tập từ chương 1 đến chương 6                                       | 90 phút     | Ma trận đề thi 1 |
| A.3.1 Bài trắc nghiệm   | Thực hiện bài thi theo theo kế hoạch thi học kỳ của nhà trường   | Bài đánh giá nội dung học tập từ chương 1 đến chương 10                                      | 60 phút     | Ma trận đề thi 2 |
| A.3.2 Bài tập thực hành | Thực hiện bài thi theo theo kế hoạch thi học kỳ của nhà trường   | Bài đánh giá nội dung học tập từ chương 1 đến chương 10                                      | 30 phút     | Rubric 2         |

**b) Rubrics (bảng tiêu chí đánh giá)**

**RUBRIC 1**

**Mô tả nhiệm vụ:** Sinh viên làm bài tập thực hành cá nhân, với 3 bài tập như sau:

[TH01] Thực hành lập báo cáo tài chính cho loại hình công ty tư nhân.

[TH02] Thực hành lập báo cáo tài chính cho loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn.

[TH03] Thực hành lập báo cáo tài chính hợp nhất nhất từ thông tin cho sẵn.

| Tiêu chí đánh giá                                                            | Trọng số | Kém                                                                                                                                                                                                    | Yếu                                                                                                                                                                                                           | Trung bình                                                                                                                                                                                                                                                              | Khá                                                                                                                                                                                                                                                                   | Giỏi                                                                                                                                                                                                                                                          |
|------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                              |          | < 4                                                                                                                                                                                                    | 4.0 □ <5                                                                                                                                                                                                      | 5 □ 6.4                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6.5 □ 7.9                                                                                                                                                                                                                                                             | 8 □ 10                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Tuân thủ lịch trình nộp bài và hình thức trình bày                           | 20%      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày nhiều lỗi chính tả, không có cấu trúc bài trình bày (lộn xộn các ý), không đúng biểu mẫu quy định</li> <li>- Không nộp bài tập thực hành</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày còn một số lỗi chính tả, bài trình bày có cấu trúc nhưng sơ sài, không đúng biểu mẫu quy định</li> <li>- Nộp bài tập thực hành trễ hạn quy định</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày có ít lỗi chính tả, bài trình bày có cấu trúc rõ, nhưng chưa làm đủ các yêu cầu, đúng biểu mẫu quy định</li> <li>- Nộp bài tập thực hành và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày chỉ một vài lỗi chính tả, cấu trúc rõ ràng, chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu, đúng biểu mẫu quy định</li> <li>- Nộp bài tập thực hành và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày không có lỗi chính tả, cấu trúc rõ ràng, thực hiện đầy đủ các yêu cầu, đúng biểu mẫu quy định</li> <li>- Nộp bài tập thực hành và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên.</li> </ul> |
| Nội dung (Tính toán các chỉ tiêu có giải thích và lập báo cáo theo quy định) | 80%      | Bài nộp không đáp ứng yêu cầu đưa ra. Không tính được các đại lượng cần thiết cho việc lập báo cáo, báo cáo lập                                                                                        | Bài nộp đáp ứng yêu cầu thực hành đạt từ 40-64%. Tính được các đại lượng cần thiết cho việc lập báo                                                                                                           | Bài nộp đáp ứng yêu cầu thực hành đạt từ 65-79%. Tính được các đại lượng cần thiết cho việc lập báo cáo, không trình bày                                                                                                                                                | Bài nộp đáp ứng yêu cầu thực hành đạt từ 80-89%. Tính được các đại lượng cần thiết cho việc lập báo cáo, trình bày cách tính                                                                                                                                          | Bài nộp đáp ứng yêu cầu thực hành đạt từ 90% trở lên. Tính được các đại lượng cần thiết cho việc lập báo cáo, trình bày cách tính chi tiết cho                                                                                                                |



| Tiêu chí đánh giá | Trọng số | Kém                                                                                                   | Yếu                                                                                                                                                                      | Trung bình                                                                                                                                              | Khá                                                                                                                                                  | Giỏi                                                                                                                    |
|-------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                   |          | < 4                                                                                                   | 4.0 □ <5                                                                                                                                                                 | 5 □ 6.4                                                                                                                                                 | 6.5 □ 7.9                                                                                                                                            | 8 □ 10                                                                                                                  |
|                   |          | không đúng quy cách, trình bày sai hầu hết các thông tin trên báo cáo, hình thức trình bày không đạt. | cáo, không trình bày cách tính các đại lượng cần thiết, báo cáo lập không đúng quy cách, trình bày sai một số các thông tin trên báo cáo, hình thức trình bày không đạt. | cách tính các đại lượng cần thiết, báo cáo lập đúng quy cách, trình bày sai một số các thông tin trên báo cáo, hình thức trình bày đạt ở mức độ cơ bản. | chi tiết cho các đại lượng cần thiết, báo cáo lập đúng quy cách, trình bày đúng các thông tin trên báo cáo, hình thức trình bày đạt ở mức độ cơ bản. | các đại lượng cần thiết, báo cáo lập đúng quy cách, trình bày đúng các thông tin trên báo cáo, hình thức trình bày tốt. |

## RUBRIC 2

| Tiêu chí đánh giá                                                        | Trọng số | Kém                                                                                                         | Yếu                                                                                                     | Trung bình                                                                                                        | Khá                                                                                                             | Giỏi                                                                                                    |
|--------------------------------------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                          |          | < 4                                                                                                         | 4.0 □ <5                                                                                                | 5 □ 6.4                                                                                                           | 6.5 □ 7.9                                                                                                       | 8 □ 10                                                                                                  |
| Hình thức trình bày                                                      | 20%      | Trình bày nhiều lỗi chính tả, không có cấu trúc bài trình bày (lộn xộn các ý), không đúng biểu mẫu quy định | Trình bày còn một số lỗi chính tả, bài trình bày có cấu trúc nhưng sơ sài, không đúng biểu mẫu quy định | Trình bày có ít lỗi chính tả, bài trình bày có cấu trúc rõ, nhưng chưa làm đủ các yêu cầu, đúng biểu mẫu quy định | Trình bày chỉ một vài lỗi chính tả, cấu trúc rõ ràng, chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu, đúng biểu mẫu quy định | Trình bày không có lỗi chính tả, cấu trúc rõ ràng, thực hiện đầy đủ các yêu cầu, đúng biểu mẫu quy định |
| Nội dung (Tính toán các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính theo yêu cầu, có | 80%      | Không thực hiện/Bài làm không đáp ứng                                                                       | Bài làm đáp ứng yêu cầu từ 40-64%. Tính                                                                 | Bài làm đáp ứng yêu cầu từ 65-79%. Tính                                                                           | Bài làm đáp ứng yêu cầu từ 80-89%. Tính                                                                         | Bài làm đáp ứng yêu cầu từ 90% trở lên. Tính được các                                                   |

| Tiêu chí đánh giá               | Trọng số | Kém                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Yếu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Trung bình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Khá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Giỏi                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                 |          | < 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4.0 □ <5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5 □ 6.4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6.5 □ 7.9                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8 □ 10                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| giải thích và đưa ra nhận định) |          | yêu cầu đưa ra. Không tính được các đại lượng cần thiết cho việc lập báo cáo, báo cáo lập không đúng quy cách, trình bày sai hầu hết các thông tin trên báo cáo, hình thức trình bày không đạt/không trình bày các công thức về các tỉ số tài chính, tính toán sai, không đưa ra các nhận định theo yêu cầu. | được các đại lượng cần thiết cho việc lập báo cáo, không trình bày cách tính các đại lượng cần thiết, báo cáo lập không đúng quy cách, trình bày sai một số các thông tin trên báo cáo, hình thức trình bày không đạt/trình bày các công thức về các tỉ số tài chính, tính toán sai, không đưa ra các nhận định theo yêu cầu. | được các đại lượng cần thiết cho việc lập báo cáo, không trình bày cách tính các đại lượng cần thiết, báo cáo lập đúng quy cách, trình bày sai một số các thông tin trên báo cáo, hình thức trình bày đạt ở mức độ cơ bản/trình bày các công thức về các tỉ số tài chính, tính toán đúng, đưa ra các nhận định chưa phù hợp. | được các đại lượng cần thiết cho việc lập báo cáo, trình bày cách tính chi tiết cho các đại lượng cần thiết, báo cáo lập đúng quy cách, trình bày đúng các thông tin trên báo cáo, hình thức trình bày đạt ở mức độ cơ bản/trình bày các công thức về các tỉ số tài chính, tính toán đúng, đưa ra các nhận định đạt ở mức cơ bản. | đại lượng cần thiết cho việc lập báo cáo, trình bày cách tính chi tiết cho các đại lượng cần thiết, báo cáo lập đúng quy cách, trình bày đúng các thông tin trên báo cáo, hình thức trình bày tốt/ trình bày các công thức về các tỉ số tài chính, tính toán đúng, đưa ra các nhận định ở mức độ tốt. |

**Ma trận đề thi 1**

| Cấp độ<br>CLO           | Cấp độ 1   |         | Cấp độ 2   |              | Cấp độ 3  |              | Cộng           |
|-------------------------|------------|---------|------------|--------------|-----------|--------------|----------------|
|                         | Kiến Thức  | Kỹ Năng | Kiến Thức  | Kỹ Năng      | Kiến Thức | Kỹ Năng      |                |
| <b>CLO1</b>             |            |         |            |              |           |              |                |
| <i>Số câu</i>           |            |         |            | 5            |           | 5            | 10             |
| <i>Số điểm</i>          |            |         |            | 1,25         |           | 1,25         | 2,5 điểm = 25% |
| <b>CLO2</b>             |            |         |            |              |           |              |                |
| <i>Số câu</i>           | 6          |         | 6          | 4            |           | 2            | 18             |
| <i>Số điểm</i>          | 1,5        |         | 1,5        | 1            |           | 0,5          | 4,5 điểm = 45% |
| <b>CLO3</b>             |            |         |            |              |           |              |                |
| <i>Số câu</i>           | 6          |         | 2          | 2            |           | 2            | 12             |
| <i>Số điểm</i>          | 1,5        |         | 0,5        | 0,5          |           | 0,5          | 1,5 điểm = 20% |
| <b>Tổng số câu: 40</b>  | <b>12</b>  |         | <b>8</b>   | <b>11</b>    |           | <b>9</b>     | <b>40</b>      |
| <b>Tổng số điểm: 10</b> | <b>3</b>   |         | <b>2</b>   | <b>2,75</b>  |           | <b>2,25</b>  | <b>10</b>      |
|                         | <b>30%</b> |         | <b>20%</b> | <b>27,5%</b> |           | <b>22,5%</b> | <b>100%</b>    |

**Ma trận đề thi 2**

| Cấp độ<br>CLO            | Cấp độ 1   |         | Cấp độ 2   |            | Cấp độ 3  |            | Cộng           |
|--------------------------|------------|---------|------------|------------|-----------|------------|----------------|
|                          | Kiến Thức  | Kỹ Năng | Kiến Thức  | Kỹ Năng    | Kiến Thức | Kỹ Năng    |                |
| <b>CLO1</b>              |            |         |            |            |           |            |                |
| <i>Số câu</i>            |            |         |            | 3          |           | 2          | 5              |
| <i>Số điểm</i>           |            |         |            | 0,9        |           | 0,6        | 1,5 điểm = 20% |
| <b>CLO2</b>              |            |         |            |            |           |            |                |
| <i>Số câu</i>            | 2          |         | 2          | 2          |           | 2          | 8              |
| <i>Số điểm</i>           | 0,6        |         | 0,6        | 0,6        |           | 0,6        | 2,4 điểm = 32% |
| <b>CLO3</b>              |            |         |            |            |           |            |                |
| <i>Số câu</i>            | 1          |         | 1          | 2          |           | 1          | 5              |
| <i>Số điểm</i>           | 0,3        |         | 0,3        | 0,6        |           | 0,3        | 1,5 điểm = 20% |
| <b>CLO4</b>              |            |         |            |            |           |            |                |
| <i>Số câu</i>            | 2          |         | 2          | 2          |           | 1          | 7              |
| <i>Số điểm</i>           | 0,6        |         | 0,6        | 0,6        |           | 0,3        | 2,1 điểm = 28% |
| <b>Tổng số câu: 25</b>   | <b>5</b>   |         | <b>5</b>   | <b>9</b>   |           | <b>6</b>   | <b>25</b>      |
| <b>Tổng số điểm: 7,5</b> | <b>1,5</b> |         | <b>1,5</b> | <b>2,7</b> |           | <b>1,8</b> | <b>7,5</b>     |
|                          | <b>20%</b> |         | <b>20%</b> | <b>36%</b> |           | <b>24%</b> | <b>100%</b>    |